

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1, Bà Đinh Thị Thu Huyền;

2, Bà Thân Thị Lua

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Y

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thái S (X), sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1984

Địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020, bản tự khai nguyên đơn là anh Nguyễn Thái S trình bày:* Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, do điều kiện ở xa anh không thể về để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị C được. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và sớm đưa vụ án ra xét xử. Anh xin được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải cũng như phiên tòa của Tòa án.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn có ghi anh tên là Nguyễn Thái X, sinh năm 1985. Chứng minh thư nhân dân của anh là Nguyễn Thái S, sinh năm 1988, anh có ý kiến như sau: Do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh chưa đủ tuổi kết hôn, anh có khai sinh năm 1985. Nay anh khẳng định, theo như giấy khai sinh của anh cũng như giấy chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu thì anh tên là Nguyễn Thái S, sinh năm 1988.

Anh và chị C lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 06/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh tại Cà Mau đến năm 2009 vợ chồng về sống cùng nhà với bố mẹ đẻ chị C. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị C đi xuất khẩu lao động nước ngoài không quan tâm gì đến cuộc sống vợ chồng, chị C vừa về nước cuối năm 2019, khi về nước chị C cũng không chung sống với anh, mỗi người một nơi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án huyện Y giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007. Hiện nay cháu đang ở với chị C, khi ly hôn vợ chồng anh thỏa thuận để chị C được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có thời gian sống chung cùng với gia đình nhà anh và gia đình bố mẹ chị C, nhưng vợ chồng anh không đóng góp công sức

gì vào khối tài sản chung của bố mẹ anh cũng như bố mẹ chị C, anh không có yêu cầu gì. Vợ chồng không có tài sản chung gì.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

*\* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:* Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, do điều kiện của anh S không ra để giải quyết việc ly hôn được, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị đã nhận được đơn cùng tài liệu kèm theo đơn khởi kiện anh S gửi cho chị.

Chị và anh S lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 06/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng ở chung cùng với gia đình nhà chồng tại Cà Mau đến năm 2009 thì vợ chồng về ở cùng với bố mẹ đẻ chị. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị đi xuất khẩu lao động nước ngoài anh S cũng về nhà bố mẹ anh S ở, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Cuối năm 2019 chị về nước, vợ chồng mỗi người một nơi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn

Về con chung: vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007. Hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn vợ chồng chị thỏa thuận để chị được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ chồng cũng như bố mẹ chị, chị không có yêu cầu gì. Vợ chồng không có tài sản chung gì.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa chị C trình bày: Chị đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của anh S và đồng ý nuôi con chung, chị không có yêu cầu gì. Trước khi nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án huyện Y, chị và anh S có nói chuyện qua điện thoại, chị và anh S đều thống nhất ly hôn và đồng ý để anh S làm đơn ly hôn để giải quyết tại Tòa án huyện Y. Khoảng tháng 3 năm 2020 anh S có gửi đơn ly hôn theo đường Bưu điện đến Tòa án huyện Y, nhưng không thấy Tòa án giải quyết, đến tháng 6 năm 2020 anh S tiếp tục gửi đơn ly hôn theo đường Bưu điện đến Tòa án huyện Y, cũng không thấy Tòa án giải quyết đơn ly hôn của anh S. Vợ chồng chị đã thống nhất việc ly hôn, ngoài ra anh S không có anh em bạn bè ở ngoài Bắc, vì vậy, anh S có gửi đơn cho chị và ủy quyền cho chị đến Tòa án huyện Y nộp đơn trực tiếp.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019, cháu Nguyễn Tường V trình bày: Cháu là Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007, cháu là con của mẹ Nguyễn Thị C và bố Nguyễn Thái S, cháu năm nay lên lớp 8, cháu học tại trường THCS Y. Bố mẹ cháu không ở với nhau lâu rồi, hiện nay cháu đang ở với mẹ, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ để mẹ cháu có nhiều thời gian chăm sóc cháu và dạy bảo cháu.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, các đương sự đề nghị không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán cơ bản tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Thẩm phán chấp nhận việc nhận đơn của anh S do chị C được ủy quyền nộp là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy

định của pháp luật tổ tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thái S và xử cho anh S được ly hôn chị C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Thái S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Thẩm phán rút kinh nghiệm đối với việc anh S ủy quyền cho chị C nộp đơn khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Thái S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái S và chị Nguyễn Thị C kết hôn ngày 06/10/2005 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh S và chị C là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm sống và do chị C đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, anh S đã bỏ về nhà mẹ đẻ anh S ở Cà Mau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Anh S yêu cầu ly hôn, chị C cũng đồng ý ly hôn và các bên đều đề nghị Tòa án không hòa giải chứng tỏ cả hai bên đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thái S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh S và chị C có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007. Hiện cháu đang chung sống với chị C, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu, anh S đồng ý giao cháu Vy cho chị C nuôi dưỡng, bản thân cháu Vy cũng có nguyện vọng được ở với chị C. Do đó cần giao cháu Vy cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S, chị C đều xác định không có và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8]. Đối với kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Y về việc Tòa án chấp nhận ủy quyền nộp đơn khởi kiện của anh S cho chị C thì thấy: Theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định về những trường hợp không được làm người đại diện như sau: “1/ Những người sau đây không được làm người đại diện theo pháp luật: a) Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một vụ việc với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp

pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện. 2/ Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với trường hợp đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự”. Tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định về người đại diện như sau: “4/ ... Đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng...”. Anh S ủy quyền cho chị C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, không phải việc anh S ủy quyền cho chị C thay mặt anh S tham gia tố tụng. Tòa án huyện Y chấp nhận và thụ lý đơn của anh S do chị C được ủy quyền nộp tại Tòa án không trái với quy định trên và phù hợp với quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự. Do vậy kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Y là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Xử:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái S (Xinh) được ly hôn chị Nguyễn Thị C

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 05/01/2007 cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu giải quyết

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Thái S (Xinh) phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004354 ngày 13/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Y,
- CCTHA dân sự huyện Y,
- UBND xã Y, huyện Y,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**